TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2020.
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Miên và ông Hoàng Hồng Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện C G, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C G tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện C G, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2020/ST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1980.**

ĐKHKTT: thôn P A, xã C A, huyện C G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn Q, xã B X, huyện B G, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Anh Phạm Văn T, sinh năm 1970.**

ĐKHKTT và nơi cư trú: thôn P A, xã C A, huyện C G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H trình bầy: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã C A, huyện C G, tỉnh Hải Dương vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình anh T. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Thực tế chị và anh T đều là những người đã từng kết hôn, rồi ly hôn nên bên cạnh cuộc sống chung vẫn

còn có cuộc sống riêng phải lo toan. Chị đi làm anh không tin tưởng, luôn nghi ngờ chị không chung thủy, chính điều đó làm cho cuộc sống của chị nhiều căng thẳng, áp lực, thậm chí có những lần anh đến công ty nơi chị làm việc để đe dọa. Mặt khác, anh T không chịu khó làm ăn, hay sử dụng rượu dẫn đến không làm chủ được hành vi lại đánh đập chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà ngoại sống, sau đó anh đến tìm chị nghĩ thương con lại về sống chung. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không thay đổi, anh vẫn giữ cách sống như vậy. Chị thực sự mệt mỏi và không có cách nào để khắc phục mâu thuẫn, chị và anh đã sống ly thân được nửa năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh nhằm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Văn T trình bầy: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký như chị H trình bầy là chính xác. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không đồng quan điểm sống, kinh tế bất đồng dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng từ năm 2018, chị đi làm nhân viên của công ty bảo hiểm Nhân thọ, anh thấy không an toàn cho bản thân chị cũng như gia đình. Anh nhiều lần khuyên chị nên chuyển nghề bởi chị càng làm kinh tế gia đình càng kém, có những lần anh đã đến công ty tìm chị nhằm gây áp lực để chị bỏ nghề nhưng chị kiên quyết không thay đổi. Bản thân anh cũng tìm mọi cách, nhờ gia đình, nhờ đồng nghiệp của chị tác động để chị thay đổi tư duy. Tuy nhiên chị không thay đổi, đến nay anh cũng không còn biện pháp nào để khắc phục. Vợ chồng sống ly thân được khoảng 03 tháng, anh nhiều lần gọi điện, nhắn tin để chị về sống cùng anh nhưng chị không trả lời. Tuy cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh cũng làm hết các biện pháp có thể để chị thay đổi nhưng không được, chị xác định không còn tình cảm với anh và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh vẫn mong muốn chị suy nghĩ lại và đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian để thuyết phục chị, anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị kiên quyết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đoàn Thái A, sinh ngày 25/8/2006.

Quan điểm của chị H: Khi ly hôn chị có nguyện vọng để con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay con đang sinh sống cùng anh, cuộc sống của con phát triển tốt về mọi mặt, anh T là người có trách nhiệm với con, chị

không muốn thay đổi môi trường sống của con nên chị đề nghị Tòa án giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Quan điểm của anh T: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay, con đang sinh sống cùng anh. Anh làm lao động tự do, thu nhập ổn định, thời gian không quá khắt khe nên anh có đủ điều kiện tốt để nuôi dưỡng con. Về chỗ ở. Anh và con đang sống riêng một nhà, rất thuận lợi cho sinh hoạt gia đình. Đó là lý do anh mong muốn Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện gia đình anh chị và chính quyền địa phương xác định: Chị H và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, cuộc sống chung hạnh phúc được hơn chục năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên xẩy ra xô sát dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Tại thời điểm này anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Anh chị mâu thuẫn nhưng cũng chưa lần nào đưa ra hòa giải tại chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được rõ để cung cấp cho Tòa án. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Gia đình và chính quyền địa phương không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung. Anh chị có 01 con chung, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì phần con giải quyết theo quy định của pháp luật làm sao đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, hiện nay con vẫn đang sinh sống cùng anh T tại nhà riêng. Con chung vẫn phát triển tốt.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C G xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đoàn Thị Thu H được ly hôn anh

Phạm Văn T.Về con chung: Giao con Phạm Đoàn Thái A, sinh ngày 25/8/2006 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ và công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn P A, xã C A, huyện C G, tỉnh Hải Dương. Chị H có đơn khởi kiện anh T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C G thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS , HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã C A vào năm 2005. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bầy phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bầy của đại diện gia đình hai bên là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Vợ chồng không tin tưởng nhau, kinh tế riêng biệt và đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không có biện pháp khắc phục, anh chị sống ly thân một thời gian dài, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị H có đơn xin ly hôn nhưng anh T không đồng ý vì anh thương con còn nhỏ, anh muốn chị thay đổi để về chung sống cùng anh, thực tế tình cảm vợ chồng cũng không còn nhiều. Lý do anh T đưa ra không phải là cơ sở để hàn gắn tình cảm gia đình nên HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Đoàn Thị Thu H được ly hôn Phạm Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị thống nhất quan điểm, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì con

chung sẽ do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét sự thỏa thuận trên về con của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con *(con muốn được sinh sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn)*. Xét về điều kiện nuôi dưỡng: Con hiện nay vẫn đang sống cùng anh T, con vẫn sinh hoạt ổn định và phát triển tốt về mọi mặt. Anh T có đủ điều kiện về thời gian, chỗ ở, thu nhập để tiếp tục nuôi dưỡng con trưởng thành. Do vậy, thỏa thuận trên của anh chị có đủ cơ sở để HĐXX ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đoàn Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn T.

[2]. Về con chung: Giao con Phạm Đoàn Thái A, sinh ngày 25/8/2006 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000182 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C G, tỉnh Hải Dương.

[5]. Về quyền kháng cáo: Thông báo cho chị H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C G
- Chi cục THA dân sự huyện C G
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã C A, huyện C G (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:
- VKSND huyện C G
- Chi cục THA dân sự huyện C G
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán chủ toạ phiên toà***

Phạm Thị Đào